TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2025/DS-PT
Ngày: 14 - 02 -2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thanh Trúc;

Ông Nguyễn Văn Tài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 712/2024/TLPT-DS ngày 11/12/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 194/2024/DS-ST ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 582/2024/QĐPT-DS, ngày 26/12/2024; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 33/2025/QĐ-PT ngày 14/01/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1954; địa chỉ: số F, tổ A, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên lạc: số G, đường N, khu dân cư P, tổ C, khu phố G, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Thế A, sinh năm 1976; địa chỉ: số G, đường N, khu dân cư P, tổ C, khu phố G, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 05/7/2024), có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Mai Văn C, sinh năm 1952; địa chỉ: số B, khu phố H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Ngày 13/02/2025, ông C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Lê Thị Mỹ H1, sinh năm 1978; địa chỉ: số I đường L, khu phố E, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Võ Tấn Đ thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. Ngày 13/02/2025, bà Lê Thị Mỹ H1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Mai Văn C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Lê Thế A trình bày:

Giữa ông H và bị đơn ông Mai Văn C là đồng nghiệp làm chung cơ quan trong quân đội nên quen biết thân tình với nhau. Trong lúc khó khăn, từ năm 2017 đến năm 2020, nhiền lần ông C hỏi vay tiền của ông H để sử dụng trong chi tiêu, sinh hoạt, khi cho vay tiền hai bên chỉ thống nhất làm giấy viết tay để xác nhận số tiền đã vay và thời gian hoàn trả. Hai bên chỉ thỏa thuận miệng ông C phải trả lãi vay cho ông H để đảm bảo đồng tiền không bị giảm giá trị theo thời gian còn mức lãi suất bao nhiêu thì hai bên không thỏa thuận.

Từ lúc vay tiền đến khoảng cuối năm 2022, đầu năm 2023, ông C có 03 đến 04 lần gửi trả lãi cho ông H với tổng số tiền 208.000.000 đồng. Để tránh sự nhằm lẫn do nhiều lần vay nên đến ngày 22/7/2023, giữa ông H và bị đơn (ông C) chốt nợ và lập thành 01 văn bản viết tay thành số nợ chung là 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng). Sau khi chốt nợ, nhiều lần ông H đòi nợ nhưng ông C chỉ trả được 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) tiền gốc, còn lại 850.000.000 đồng (tám trăm năm mươi triệu đồng) bị đơn né tránh không trả nợ. Ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn là ông Mai Văn C có trách nhiệm thanh toán cho ông H tiền nợ gốc 850.000.000 đồng và tiền lãi trong 12 tháng tính từ tháng 7/2023 đến tháng 7/2024 với mức lãi suất 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng), cụ thể: 850.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 12 tháng = 84.660.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi yêu cầu bị đơn (ông C) thanh toán là 934.660.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Lê Thế A thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất: yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc là 900.000.000 đồng và tiền lãi suất chậm trả tính từ ngày xác lập nợ 22/7/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 26/9/2024 và tính tròn thành 14 tháng x lãi suất 2%/tháng x 900.000.000 đồng = 252.000.000 đồng. Số tiền lãi được khấu trừ vào số tiền 50.000.000 đồng, ông C

đã thanh toán vào tháng 6/2024 (252.000.000 đồng – 50.000.000 đồng) nên số tiền lãi buộc ông C còn phải thanh toán là 202.000.000 đồng. Tổng cộng yêu cầu bị đơn ông Mai Văn C phải thanh toán gốc và lãi đến ngày xét xử sơ thẩm là 1.102.000.000 đồng (một tỷ một trăm lẻ hai triệu đồng).

Chứng cứ do nguyên đơn đã nộp tại Tòa án cấp sơ thẩm để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là "*Giấy vay tiền*" đề ngày 22/7/2023; Thông báo đòi nợ ngày 27/6/2024, hình ảnh chụp hồ sơ gửi thông báo đòi nợ (bản photocopy).

- *Bị đơn là ông Mai Văn C trình bày:*

Ông Chính xác N từ năm 2017 đến năm 2020, ông C đã 04 lần vay tiền của ông H để chi tiêu, thời hạn vay từ 06 tháng đến 01 năm, do là đồng nghiệp cùng cơ quan giúp đỡ nhau nên giữa ông H và ông C không thỏa thuận lãi suất, tổng số tiền vay là 900.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 20/12/2017 vay 300.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm (20/12/2017 đến 20/12/2018);

- Lần 2: Ngày 22/12/2017 vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm (22/12/2017 đến 22/12/2018);

- Lần 3: Ngày 27/3/2018 vay 300.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng (27/3/2018 đến 27/9/2018);

- Lần 4: Ngày 29/02/2020 vay 200.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng (29/02/2020 đến 29/8/2020).

Từ tháng 01/2022 đến tháng 6/2023, ông C đã thanh toán tiền gốc cho ông H nhiều lần với tổng số tiền là 208.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến ngày 22/7/2023, khi ông H và ông Chính thống N1 hủy bỏ 04 giấy nợ cũ để lập thành 01 giấy nợ mới với tổng hợp số tiền gốc là 900.000.000 đồng vào ngày 22/7/2023. Khi chốt nợ ngày 22/7/2023 thì ông H quên không khấu trừ ra số tiền 208.000.000 đồng, ông C đã trả trước đó nên vẫn ghi nợ gốc là 900.000.000 đồng. Đến tháng 06/2024, ông C cho thanh toán cho nguyên đơn (ông H) tiền nợ gốc 50.000.000 đồng.

Bị đơn ông Mai Văn C không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, bị đơn chỉ chấp nhận thanh toán khoản nợ gốc đã vay của ông H sau khi trừ đi khoản tiền đã trả như sau: 900.000.000 đồng - 208.000.000 đồng - 50.000.000 đồng = 642.000.000 đồng (sáu trăm bốn mươi hai triệu đồng).

Chứng cứ do bị đơn giao nộp tại Tòa án cấp sơ thẩm gồm: *Bản tự khai của ông Mai Văn C ngày 04/9/2024; Giấy vay tiền ngày 20/12/2017, giấy vay tiền ngày 22/12/2017; giấy vay tiền ngày 27/3/2018; Hợp đồng vay tiền ngày*

29/02/2020 giữa người cho vay là ông H, người vay là ông C; ủy nhiệm chi, chuyển khoản tiền của ông C cho ông H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 194/2024/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H đối với bị đơn ông Mai Văn C về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Về tiền nợ: Buộc ông C trả cho ông H tổng số tiền 954.415.000 đồng (chín trăm năm mươi bốn triệu bốn trăm mười lăm nghìn đồng), trong đó tiền nợ gốc 850.000.000 đồng (tám trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 23/7/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (26/9/2024) là 104.415.000 đồng (một trăm lẽ bốn triệu bốn trăm mười lăm nghìn đồng) theo Giấy vay tiền ngày 22/7/2023.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 07/10/2024, bị đơn ông Mai Văn C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chỉ buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc còn lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn H là 642.000.000 đồng (sáu trăm bốn mươi hai triệu đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Mai Văn C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ngày 13/02/2025, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Mai Văn C là Luật sư Lê Thị Mỹ H1 đã có bản luận cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn được gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương nội dung sau:

Số tiền 900.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 22/7/2023 do nguyên đơn dùng làm chứng cứ để khởi kiện đối với bị đơn, theo nguyên đơn xác định là tiền gốc đã được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là không đúng thực tế vì theo lời trình bày của nguyên đơn thì "Do có nhiều giấy vay tiền theo từng đợt nên nhằm tránh sự nhầm lẫn về sau nên ông H và ông Chính thống N1 chốt lại ghi lại "Giấy vay tiền" số tiền chốt lại là 900.000.000 đồng. Về lãi suất, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì nguyên đơn cho rằng "*Không xác định lãi suất mà chỉ nói ông C gửi lãi được nhiêu thì được để tránh giảm mất giá trị đồng tiền cho vay. Quá trình sử dụng tiền vay, khoảng năm 2023 thì thỉnh thoảng ông C có hỗ trợ gửi tiền lãi cho ông H khoảng 3-4 lần*". Do đó, hợp đồng

vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc loại hợp đồng vay tài sản có thời hạn và không có lãi suất. Do đó, số tiền 258.000.000 đồng, ông C đã trả cho ông H trong 10 lần từ ngày 19/01/2022 đến ngày 12/12/2023 là trả tiền gốc đã vay, không có căn cứ xác định số tiền 208.000.000 đồng trong số tiền đã trả nêu trên là tiền ông C trả lãi cho khoản vay. Vì vậy số tiền gốc ông C chỉ còn nợ ông H là 900.000.000 đồng - 258.000.000 đồng = 642.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc bị đơn thanh toán khoản nợ gốc cho nguyên đơn là 642.000.000 đồng và không phải thanh toán số tiền lãi 10%/năm tương đương số tiền 104.415.000 đồng như án sơ thẩm đã tuyên.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ, bị đơn ông Mai Văn C kháng cáo nhưng tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: tại phiên tòa phúc thẩm lần thứ hai ngày 14/02/2025, bị đơn ông Mai Văn C là người kháng cáo bản án sơ thẩm và bà Lê Thị Mỹ H1 là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Trong quá trình tố tụng, cả hai bên đương sự đều thừa nhận: số tiền gốc 900.000.000 đồng, do hai bên (bên vay tiền là ông Mai Văn C, người cho vay ông Nguyễn Văn H) đã chốt nợ và lập thành văn bản xác nhận nợ với tiêu đề "Giấy vay tiền" ngày 22/7/2023 thống nhất tổng hợp từ 04 lần vay tiền của ông C đối với ông H từ năm 2017 đến năm 2020 gồm: ngày 20/12/2017 vay 300.000.000 đồng thời hạn 01 năm; ngày 22/12/2017 vay 100.000.000 đồng, thời hạn 01 năm; ngày 27/3/2018 vay 300.000.000 đồng, thời hạn 06 tháng và ngày 29/02/2020 vay 200.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, kể từ ngày xác

lập nợ 22/7/2023, giữa ông C và ông H thống nhất hủy bỏ 04 giấy nợ đã lập từ 2017 đến 2020 nêu trên. Từ tháng 01/2018 đến trước ngày 22/7/2023, giữa ông C và ông H đã thống nhất ông C có thanh toán cho ông H số tiền 208.000.000 đồng nhưng ông H cho rằng số tiền ông C đã thanh toán là tiền lãi, còn ông C cho rằng số tiền đã thanh toán 208.000.000 đồng là tiền gốc. Ngoài ra giữa nguyên đơn (ông H) và bị đơn (ông C) còn thống nhất vào tháng 6/2024, ông C đã thanh toán cho ông H được 50.000.000 đồng tiền nợ gốc nên tiền nợ gốc còn lại là 850.000.000 đồng. Sự thừa nhận về số tiền vay (gốc), số tiền đã trả, thời gian cũng như thời hạn trả nợ vay được hai bên thống nhất là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Xét nội dung 04 giấy vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn xác lập từ năm 2017 đến năm 2020, thấy rằng: đối với 02 khoản vay 400.000.000 đồng theo các giấy vay tiền đề ngày 20/12 và 22/12/2017, các bên có xác định thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày vay và đối với 02 khoản vay 300.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 27/3/2018 và khoản vay 200.000.000 đồng theo giấy vay ngày 29/02/2020, các bên xác định thời hạn vay là 06 tháng. Cả 04 giấy vay tiền nêu trên, đều không thể hiện giữa bên vay và bên cho vay có thỏa thuận về lãi suất vay. Quá trình tố tụng, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H xác định khi nhận tiền vay, ông H có nói cho bị đơn biết lãi suất tiền vay là 02%/tháng nhưng do thân tình, ông C trả lãi bao nhiêu cũng được để bảo đảm giá trị tiền vay không bị giảm giá trị, do đó số tiền 208.000.000 đồng, bị đơn (ông C) đã trả lãi cho nguyên đơn (ông H) từ tháng 01/2018 đến trước ngày 22/7/2023 là tiền lãi suất. Bị đơn ông Mai Văn Chính xác Đ1 nguyên đơn chỉ cho bị đơn vay tiền không có lãi nên bị đơn không có trách nhiệm trả lãi chỉ có trách nhiệm trả gốc, do đó số tiền bị đơn đã thanh toán trước ngày 22/7/2023 là thanh toán tiền nợ gốc nên phải được khấu trừ trước khi chốt nợ vào ngày 22/7/2023. Xét thấy, tại bản tự khai ngày 04/9/2024 do chính bị đơn (ông C) viết ra gửi đến Tòa án (bút lục 16) ông C đã xác định "…*còn lại tám trăm năm mươi triệu đ gốc, lãi hàng tháng hai bên thỏa thuận lãi suất 4%/tháng. Khi vay tiền tôi không có thế chấp tài sản cho ông H*" và tại "Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt" do bị đơn (ông C) gửi đến Tòa án (bút lục 69), ông C đã xác định: *"..., đồng thời số tiền 850.000.000 đồng nêu trên chưa xem xét đến tiền lãi trả dư trước đó mà tôi đã trả cho ông H nên đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.*". Như vậy, chính bị đơn đã thừa nhận mối quan hệ vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn là có thỏa thuận lãi suất như nguyên đơn (ông H) đã trình bày và không thuộc trường hợp hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi suất.

[2.3] Từ các lý do nêu tại mục [2.2], có căn cứ xác định cả 04 giấy vay tiền được lập vào các ngày 20/12/2017, 22/12/2017, 27/3/2018 và ngày

29/02/2020 giữa ông Nguyễn Văn H và ông Mai Văn C thuộc loại hợp đồng vay tài sản có thời hạn và có lãi suất nhưng không xác định rõ lãi suất. Các đương sự có tranh chấp về lãi suất và bên vay có yêu cầu tính lãi suất sẽ được giải quyết theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự và được hướng dẫn tại khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Như vậy, số tiền lãi áp dụng trong trường hợp nêu trên đối với 04 khoản vay các năm 2017, 2018, 2020 được áp dụng mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày vay đến ngày 22/7/2023 đã vượt hơn nhiều so với số tiền 208.000.000 đồng bị đơn đã thanh toán tiền lãi cho nguyên đơn theo sự thừa nhận của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét khấu trừ số tiền 208.000.000 đồng do bị đơn đã trả vào nợ gốc là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.4] Đối với yêu cầu tính lãi suất chậm trả của nguyên đơn đối với số tiền vay từ ngày xác lập tổng nợ gốc (ngày 22/7/2023) đến thời điểm xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 2%/tháng và khấu trừ số tiền 50.000.000 đồng bị đơn đã thanh toán vào ngày 23/6/2024 là lãi suất. Căn cứ khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 và khoản 2 Điều 469 của Bộ luật Dân sự, tiền lãi được xác định như sau:

- 900.000.000 đồng x 10%/năm (tương đương 0,833%/tháng) x 11 tháng (từ ngày 23/7/2023 đến 23/6/2024) = 82.467.000 đồng (1);

- 850.000.000 đồng x 10%/năm (tương đương 0,833%/tháng) x 03 tháng 03 ngày (từ ngày 23/6/2023 đến 26/9/2024) = 21.948.000 đồng (2);

Tổng số tiền lãi suất tính đến ngày xét xử sơ thẩm (1) + (2) = 104.415.000 đồng (một trăm lẽ bốn triệu bốn trăm mười lăm nghìn đồng).

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc bị đơn ông Mai Văn C phải trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn H số tiền nợ gốc 850.000.000 đồng và tiền nợ lãi chậm trả tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (26/9/2024) là 104.415.000 đồng, tổng tiền gốc và lãi: 954.415.000 đồng (chín trăm năm mươi bốn triệu bốn trăm mười lăm nghìn đồng) là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[3] Bị đơn ông Mai Văn C kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[4] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: bị đơn ông Mai Văn C là người già trên 70 tuổi nên được miễn toàn bộ án phí phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Mai Văn C.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 194/2024/DS-ST ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Mai Văn C được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- TAND TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thanh